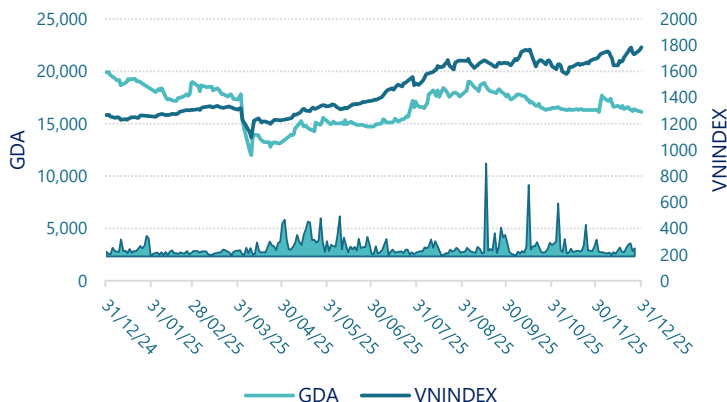


CTCP Tôn Đông Á (UPCOM: GDA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,922
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,997
SL cổ phiếu LH	149,098,851
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,135
% sở hữu nước ngoài	18.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,400
P/E	8.8
EPS	1,823

DT thuần

Q4/25

3,397

tỷ VNĐ

QoQ: ▼283 | -7.7%

YoY: ▼491 | -12.6%

LN sau thuế

Q4/25

36.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.4 | -57.0%

YoY: ▲ 15.3 | 71.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

15,310

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,826 | -20.0%

LN sau thuế

2025

272

tỷ VNĐ

YoY: ▼70.0 | -20.4%

ROE

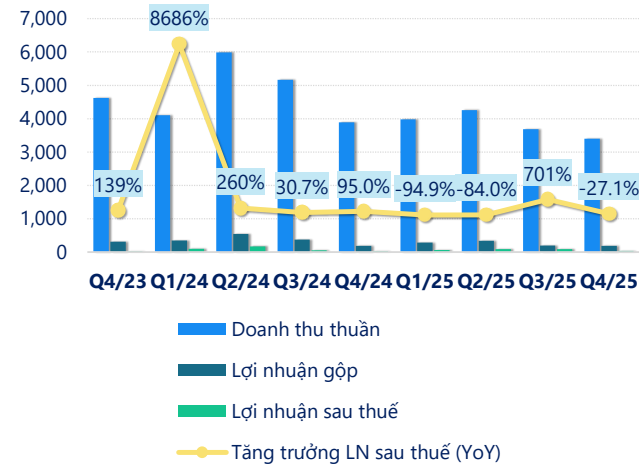
2025

7.0%

+/- YoY: ▼ 2.2%

tỷ VNĐ

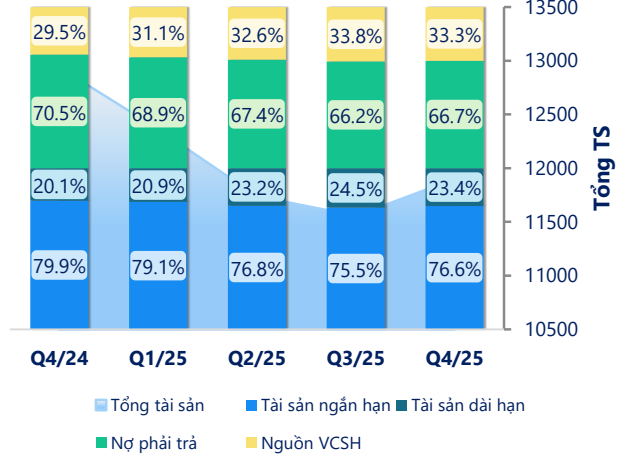
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

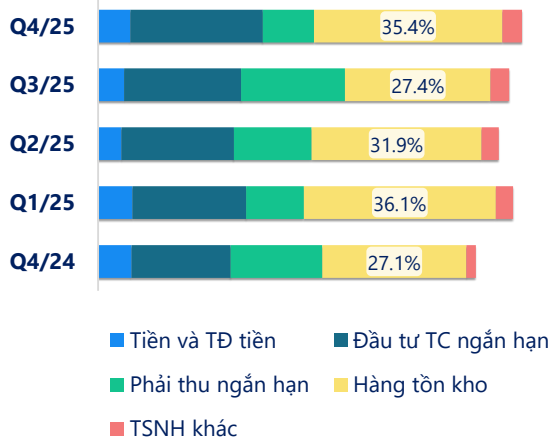
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



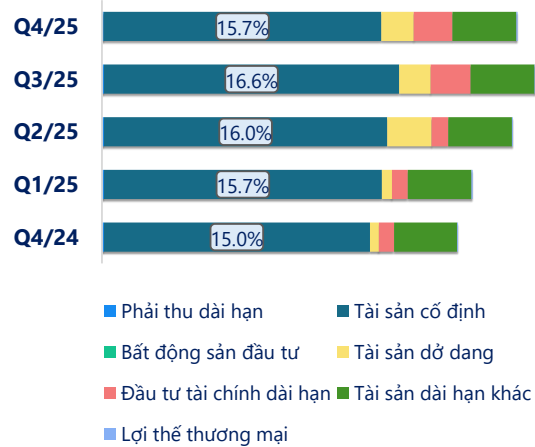
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

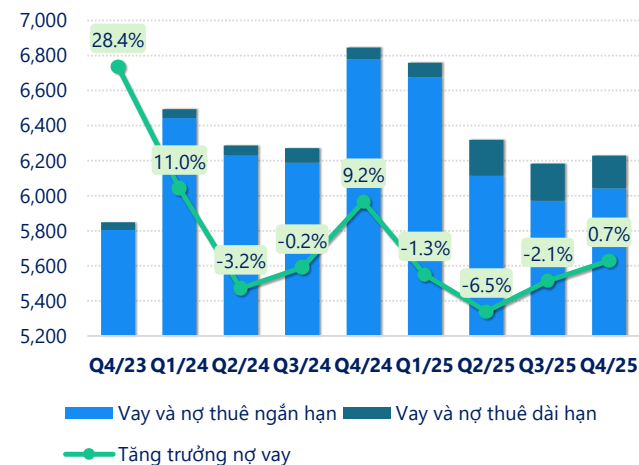
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

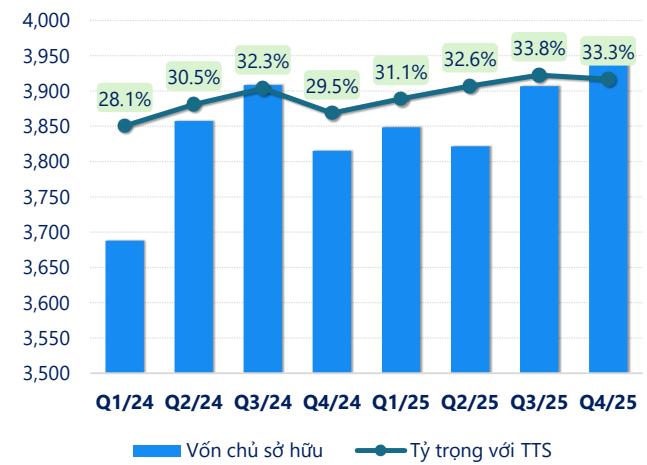
Nợ vay



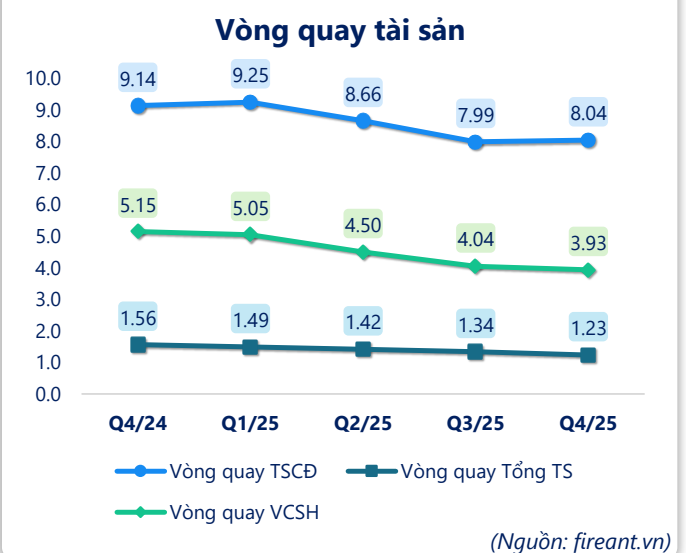
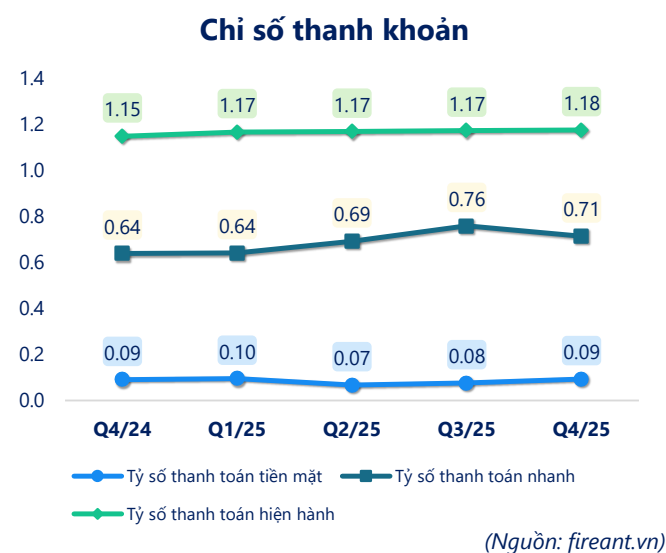
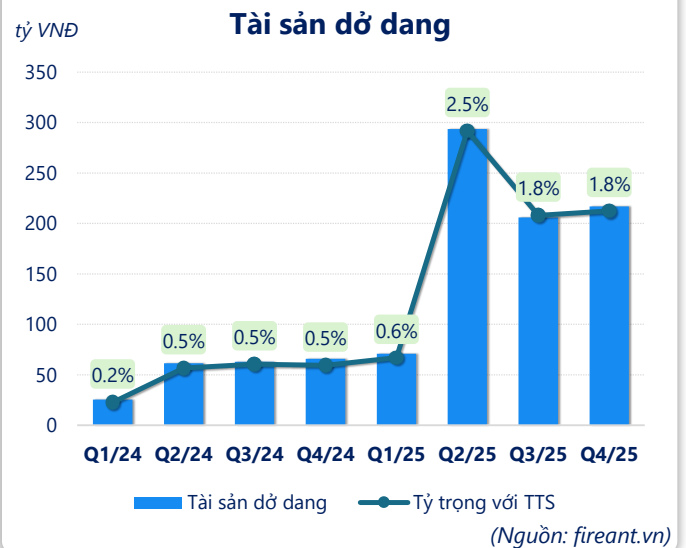
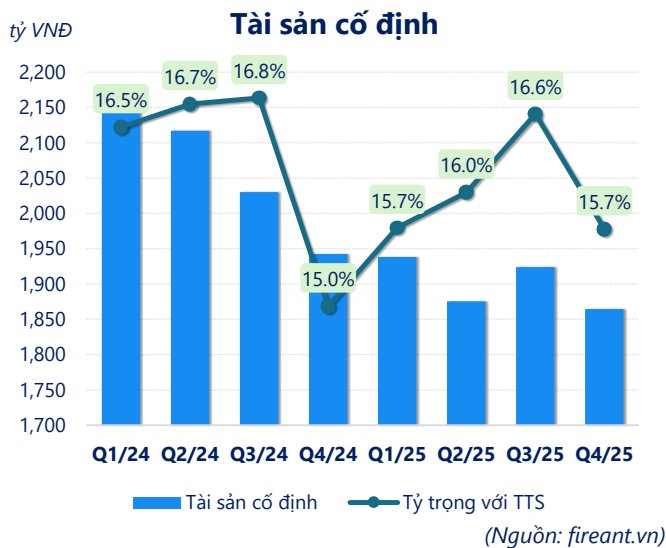
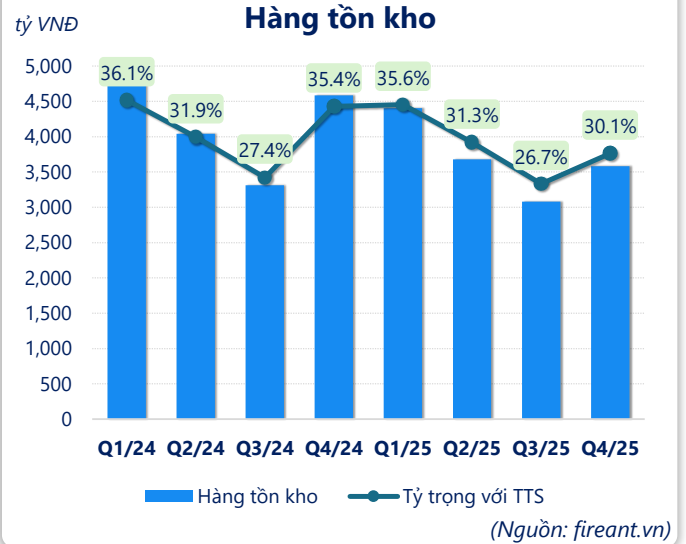
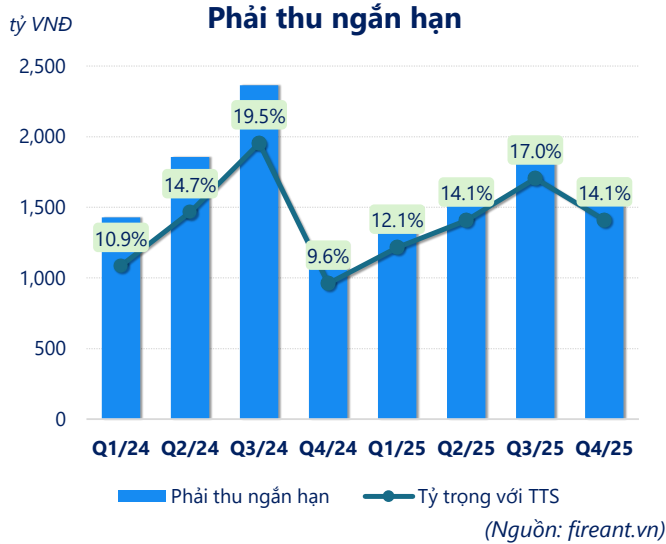
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	12,939	12,363	11,739	11,558	11,901
Tài sản ngắn hạn	10,338	9,777	9,017	8,730	9,110
Tiền và tương đương tiền	811	797	517	564	725
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,222	2,581	2,703	2,727	2,709
Phải thu ngắn hạn	1,242	1,502	1,652	1,970	1,676
Hàng tồn kho	4,585	4,405	3,679	3,081	3,582
Tài sản ngắn hạn khác	479	492	466	388	418
Tài sản dài hạn	2,601	2,586	2,722	2,827	2,790
Phải thu dài hạn	13.5	13.9	13.5	13.5	11.5
Tài sản cố định	1,942	1,938	1,876	1,924	1,864
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	65.7	71.0	294	206	217
Đầu tư tài chính dài hạn	110	110	110	260	260
Tài sản dài hạn khác	461	445	422	417	431
Lợi thế thương mại	7.78	7.57	7.35	7.13	6.91
Nợ phải trả	9,124	8,514	7,917	7,651	7,934
Nợ ngắn hạn	9,002	8,375	7,712	7,439	7,747
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,779	6,675	6,114	5,971	6,042
Phải trả người bán ngắn hạn	1,833	1,448	1,441	1,296	1,413
Nợ dài hạn	122	139	205	212	186
Vay và nợ thuê dài hạn	66.6	82.9	205	212	186
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,815	3,849	3,822	3,907	3,967
Vốn chủ sở hữu	3,815	3,849	3,822	3,907	3,967
Vốn điều lệ	1,147	1,147	1,147	1,491	1,491
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)